

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HSST
Ngày: 28/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Hùng.
2. Ông Nguyễn Đăng Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh Tm gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2019/HSST ngày 15/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HS ngày 14/6/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn T M, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn N D, xã K Y T, huyện V B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn V T, sinh năm 1966 và bà Lục Th L, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có ba anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng là Ngân V D, sinh năm 1990 (đã ly hôn), con có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2019 đến ngày 20/01/2019 được Ty đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Sầm T L, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C B, xã C T, huyện Q C, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Chị Lang T T, sinh năm 1990; trú tại: Bản K T, xã T N, huyện C C, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 năm 2016, Nguyễn T M, sinh năm 1995, trú tại thôn N D, xã K Y T, huyện V B, tỉnh Lào Cai thuê dãy nhà trọ của anh Nguyễn Trọng Dũng, sinh năm 1987 tại khu phố C L, phường Đ B, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh, không làm hợp đồng thuê, thỏa thuận hàng tháng M trực tiếp trả cho anh Dũng số tiền 1.500.000 đồng/1 tháng. Dãy nhà trọ này chia làm 03 phòng, M ở phòng đầu tiên bên phải từ cổng vào còn 2 phòng bên trong chưa có người ở. Ngày 06/01/2019, Sầm T L, sinh năm 1987 trú tại thôn C B, xã C T, huyện Q C, tỉnh Nghệ An và Lang T T, sinh năm 1990 trú tại Bản K T, xã T N, huyện C C, tỉnh Nghệ An đến xin thuê lại 2 phòng trọ còn lại của M. L ở phòng thứ hai từ ngoài vào còn T ở phòng thứ ba từ ngoài vào. Việc T, L đến ở 2 phòng trọ này M tự đồng ý với T, L mà không nói cho anh Dũng biết. Do M, T, L đều chưa xin được việc làm nên M nảy sinh ý định bảo T, L bán dâm ngay tại phòng ở trọ của T, L để lấy tiền. T và L đồng ý. M thỏa thuận với T và L khi có khách M sẽ là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận và thu tiền của khách, giá bán dâm mỗi lần 300.000 đồng. Sau khi bán dâm xong, M sẽ trả cho T, L 150.000 đồng/1 lượt bán dâm số tiền còn lại M hưởng tiền phòng là 150.000 đồng. Nếu trong quá trình bán dâm khách cho thêm thì T, L sẽ được hưởng. Ngoài ra M còn là người lo chi phí ăn uống và không thu tiền thuê trọ của T, L.

Khoảng 21 giờ ngày 11/01/2019, M và T ra ngoài uống nước còn L đang ở nhà một mình thì có anh Vũ Văn Thắng, sinh năm 1965 trú tại số 7, ngõ 463, H H, phường P T, quận H K, thành phố Hà Nội là lái xe ôm chở 2 nam Tnh niên sau khi bị bắt khai nhận tên tuổi địa chỉ là Nguyễn V S, sinh năm 1983 trú tại thôn P T, xã T S, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Văn Thịnh, sinh năm 1987 trú tại thôn T S, xã T G, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh đến hỏi mua dâm. Sơn nói với L: “Cho hai nhân viên để giải đen” thì L hiểu ý là người này muốn mua dâm 2 nhân viên nữ. Do L không lưu số điện thoại của M nên L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng lắp sim số 0977.228.560 gọi điện cho T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đỏ đen lắp sim số 0362.067.646 bảo T và M là về nhà có hai khách mua dâm đang chờ. Khoảng 10 phút sau, M và T trở về dãy trọ. Tại đây, Sơn đề nghị M sắp xếp cho 2 gái bán dâm để bán dâm cho Sơn và Thịnh, M đồng ý. Sau đó, M và Sơn thống nhất giá bán dâm là 300.000 đồng/1 lượt, Sơn còn bo thêm cho mỗi nhân viên 100.000 đồng để phục vụ nhiệt tình hơn. Sau khi thỏa thuận xong, Sơn đưa cho M số tiền 800.000 đồng. M đồng ý nhận tiền rồi bảo L và T đưa khách mua dâm vào phòng của mình để bán dâm cho khách. Sau đó, Sơn và L đi vào phòng thứ hai, Thịnh và T đi vào phòng thứ ba của dãy trọ để thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Sơn, L, Thịnh, T đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục mua bán dâm thì bị Đội Cảnh sát điều tra trật tự xã hội Công an thị xã T S bắt quả tang, thu giữ vật chứng, cụ thể: Số tiền 800.000 đồng gồm 08 (tám) tờ tiền Polime mệnh giá 100.000 đồng do Nguyễn T M tự giao nộp và khai nhận là số tiền mà Sơn trả cho M để Sơn, Thịnh mua dâm T, L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, bên trong có lắp sim số: 0362.540.036 của M; thu giữ tại phòng bán

dâm số 2 gồm: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIPPLUS màu vàng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng lắp sim số 0977.228.560 của L. L khai nhận đây là chiếc điện thoại đã sử dụng để gọi báo cho T, M có khách đến hỏi mua dâm; tại phòng bán dâm số 3 gồm có: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIPPLUS màu vàng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đỏ đen của T lắp sim số 0362.067.646. T khai nhận đây là chiếc điện thoại T sử dụng khi L gọi điện cho T, M thông báo việc có khách đến hỏi mua dâm.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn T M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan là Sầm T L và Lang T T khai nhận: vào ngày 11/01/2019 khi được M gọi về chỗ nhà trọ để bán dâm thì T và L đã thực hiện hành vi bán dâm. Đến nay hành vi bán dâm này của T và L đã bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính. Đối với vật chứng và tài sản bị thu giữ của T và L như trong hồ sơ thể hiện là đúng, chị T và L đều không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn V S, Nguyễn V T có hành vi mua dâm ngày 12/1/2019: Sau khi bị bắt đưa về trụ sở Công an thị xã T S làm việc, Thịnh, Sơn L dụng sơ hở của cán bộ trông giữ đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại xã T S, thị xã T S và xã T G, thị xã T S kết quả không xác định được người nào có tên, tuổi, địa chỉ như Sơn, Thịnh khai nhận. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác minh khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với anh Vũ Văn Thắng lái xe ôm chờ Sơn, Thịnh đi mua dâm tại dãy nhà trọ M thuê ngày 12/1/2019: quá trình điều tra xác định anh Thắng không biết trước việc Sơn, Thịnh đến đó để mua dâm nên cơ quan điều tra không xử lý anh Thắng là phù hợp quy định pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 89/CT-VKS-P1 ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố Nguyễn T M về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn T M khai nhận: Nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo có thực hiện những hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi sử dụng địa điểm là nhà bị cáo đang thuê ở trọ để thực hiện việc chứa mại dâm của mình là phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, bên trong có lắp sim số: 0362.540.036, do bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị HĐXX cho bị cáo xin lại chiếc điện thoại này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh duy trì công tố tại phiên tòa hôm nay, sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, phân tích, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn T M phạm tội: “*Chứa mại dâm*”; Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn T M từ 24 tháng tù đến 28 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng

được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2019 đến ngày 20/01/2019; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIPPLUS đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số thuê bao 0977.228.560, 01 sim điện thoại số thuê bao 0362.067.646; Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đỏ đen đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn T M 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen đã qua sử dụng và sim điện thoại có số thuê bao 0362.540.036.

Bị cáo Nguyễn T M không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản bắt ng-ời phạm tội quả tang, phù hợp với thời gian, địa điểm, tang vật thu đ-ợc tại hiện tr-ờng, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã thể hiện rõ: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 12/1/2019, tại dãy phòng trọ Nguyễn T M thuê của anh Nguyễn Trọng Dũng, sinh năm 1987 tại khu phố C L, phường Đ B, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh đã bắt quả tang Nguyễn T M có hành vi cho 02 đôi nam nữ gồm có Sầm T L và Nguyễn V S mua bán dâm tại phòng thứ hai, Nguyễn V T và Lang T T mua bán dâm tại phòng thứ ba của dãy nhà trọ với mục đích để thu lời bất chính. Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn T M đã phạm tội “Chứa mại dâm”, phạm vào khoản 1 điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T S truy tố bị cáo về tội chứa mại dâm theo khoản 1 Điều 327 BLHS là có căn cứ, đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo phạm vào tội nghiêm trọng được quy định trong Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hóa và là môi M lây lan căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chứa mại dâm bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ L. Do vậy cần phải xử nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do vậy cần chấp nhận đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đề nghị được xin lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, bên trong có lắp sim số: 0362.540.036, do bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thì bị cáo M khẳng định không dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, bên trong có lắp sim số: 0362.540.036 để gọi cho T và L về để bán dâm cho khách và cũng không liên quan gì đến hành vi phạm tội chứa mại dâm của bị cáo bị đưa ra xét xử ngày hôm nay. Do vậy cần trả lại cho bị cáo M chiếc điện thoại di động này là có căn cứ và phù hợp.

Liên quan trong vụ án này còn có:

+ Đối với Sầm T L, Lang T T có hành vi bán dâm cho khách ngày 12/1/2019: Công an thị xã T S đã ra quyết định xử phạt hành chính với L, T về hành vi bán dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 167 của Chính Phủ là đúng quy định pháp luật.

+ Đối với Nguyễn V S, Nguyễn V T có hành vi mua dâm ngày 12/1/2019: Sau khi bị bắt đưa về trụ sở Công an thị xã T S làm việc, Thịnh, Sơn L dụng sơ hở của cán bộ trông giữ đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại xã T S, thị xã T S và xã T G, thị xã T S kết quả không xác định được người nào có tên, tuổi, địa chỉ như Sơn, Thịnh khai nhận. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác minh khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

+ Đối với anh Vũ Văn Thắng lái xe ôm chờ Sơn, Thịnh đi mua dâm tại dãy nhà trọ M thuê ngày 12/1/2019: quá trình điều tra xác định anh Thắng không biết trước việc Sơn, Thịnh đến đó để mua dâm nên cơ quan điều tra không xử lý anh Thắng là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về hình phạt bổ sung và án phí:* Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền để sung Ngân sách Nhà nước, nhưng xét bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, gia đình bị cáo thuộc diện mới thoát nghèo, hiện bị cáo phải nuôi hai con nhỏ trong đó có một con dưới 36 tháng tuổi nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

- *Về vật chứng:* Số vật chứng của vụ án, nay xử lý nh- đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ.

- Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T M phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 điều 327; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn T M 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2019 đến ngày 20/01/2019.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIPPLUS đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số thuê bao 0977.228.560, 01 sim điện thoại số thuê bao 0362.067.646;

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đỏ đen đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn T M 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen đã qua sử dụng và sim điện thoại có số thuê bao 0362.540.036.

Về án phí: Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn T M phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TX T S;
- Công an TX T S;
- Chi cục TDS TX T S;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- L- u HS, VP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Hà

